

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP**

Số: 14 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đắk R'Lấp, ngày 24 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
giai đoạn 2021 – 2025 của huyện Đắk R'Lấp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ – HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 14/ 12 /2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Đắk Nông;

Xét Tờ trình số 170/TTr-UBND, ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp về việc đề nghị thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện Đắk R'lấp;

Sau khi nghe Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND ngày 21/12/2020 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tham dự kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 của huyện Đắk R'lấp, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Trong những năm tới, với những chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp của Đảng và Nhà nước, ưu thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thành tựu của hơn 30 năm đổi mới, chính trị, xã hội ổn định, niềm tin của nhân dân được củng cố sẽ tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế trong nước. Trong tỉnh, hiệu quả của chủ trương cải thiện môi trường đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội thu hút lao động, việc làm và tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện; kết cấu hạ tầng đã được đầu tư tiếp tục phát huy; kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các nhiệm kỳ qua là tiền đề quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh.



Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển nền kinh tế, đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU 2021 - 2025:

1. Đảm bảo kinh tế phát triển ổn định, bền vững; Tổng giá trị gia tăng (giá 2010) đạt 5.320 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2025 đạt khoảng 7%/năm. Cơ cấu GDP giá hiện hành gồm: Nông - lâm nghiệp chiếm 40%; Công nghiệp và xây dựng chiếm 27%; Thương mại - dịch vụ chiếm 33%.

2. Thu nhập bình quân đầu người hàng năm tăng 5%; đến năm 2025 đạt 73 triệu đồng/người/năm.

3. Thu ngân sách hàng năm tăng từ 10-12% và tổng thu ngân sách đạt khoảng 1.087 tỷ đồng vào năm 2025. Tổng chi ngân sách nhà nước đạt khoảng 689 tỷ đồng.

4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đến năm 2025 đạt 4.100 tỷ đồng/năm.

5. Phát triển cơ sở hạ tầng đến năm 2025:

- Thủy lợi: đảm bảo nguồn nước cho 90% diện tích cây trồng có nhu cầu.

- Tỷ lệ nhựa hóa đường giao thông: Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường huyện 10%/năm; nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xã từ 5 – 10%/năm; tiếp tục huy động các nguồn lực để cứng hóa giao thông nông thôn.

- Điện: 100% số hộ sử dụng điện an toàn.

6. Về giáo dục – đào tạo: Trên 70% trường học đạt chuẩn quốc gia; duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập tiểu học và phổ cập THCS. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đạt từ 85 – 90%, trên chuẩn khoảng 10%.

7. Lao động – việc làm: Tạo việc làm cho 3.100 người; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 56%. Tỷ lệ người tham gia BHXH so với lực lượng lao động đạt 20%.

8. Về y tế: Đạt 29 giường bệnh/vạn dân; 9,6 bác sĩ/vạn dân. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 95%.

9. Về xây dựng đời sống văn hóa: 92% gia đình, 92% thôn bon, tổ dân phố, 98% cơ quan đơn vị và 100% xã, thị trấn đạt danh hiệu văn hoá.

10. Công tác giảm nghèo: Tỉ lệ hộ nghèo giảm còn 0,5%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số còn 1,5%.

11. Về nông thôn mới và phát triển đô thị: Có 02/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 05/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Phấn đấu xây dựng huyện Đắk R'lấp thành thị xã trước năm 2025.

12. Về môi trường: Tỷ lệ thu gom rác thải trên địa bàn đạt 90%, xử lý rác thải đạt 50%. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,85%.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Tập trung rà soát, xây dựng quy hoạch chiến lược hoặc quy hoạch phát triển theo Luật Quy hoạch mới

Quy hoạch vốn là một kịch bản phát triển, do vậy, cần phải đạt hiệu suất và tính khả thi cao trong việc huy động các nguồn lực đầu vào, thể hiện chức năng dẫn đường cho phát triển của Nhà nước gắn với động lực phát triển của kinh tế tư nhân. Cần rà soát, bổ sung các quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất gắn với quy hoạch kinh tế - xã hội tích hợp thành quy hoạch phát triển với tầm nhìn để Đắk R'Lấp trở thành đô thị Trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, phụ trợ Alumin – Nhôm và Dịch vụ cao chuyên sâu phục vụ cho nhu cầu phát triển chuỗi giá trị Tổ hợp Alumin – Nhôm (Logistic, Ngân hàng - Tài chính, Khoa học - Công nghệ...) và kết nối với vùng kinh tế động lực phía Nam. Theo đó, quy hoạch cần chú trọng các giải pháp cụ thể:

- Quy hoạch đô thị hạt nhân phải đủ lớn về không gian kinh tế và lợi thế dân số mật độ cao để đảm nhận được sứ mệnh thúc đẩy, tác động và lan tỏa.

- Quy hoạch và kêu gọi đầu tư phát triển du lịch gắn với tiềm năng và lợi thế của huyện (khai thác điểm du lịch thác 5 tầng; khu du lịch sinh thái Phước Sơn; du lịch cộng đồng...).

- Rà soát lại quy hoạch phát triển các khu vực không gian kinh tế, nhất là khu vực dịch vụ cao (giáo dục - đào tạo, y tế, ngân hàng - tài chính, công nghệ, logistic...); chú ý quy hoạch dự phòng cho phát triển Công nghiệp phụ trợ & chế tạo sản phẩm Nhôm công nghiệp và tiêu dùng.

- Tranh thủ thời cơ và cơ hội để **tạo và tối ưu hóa nguồn vốn** từ quỹ đất công để tái đầu tư phát triển trong quá trình thực hiện quy hoạch theo phương châm ***“Quy hoạch đến đâu, đầu tư đến đó”***. Có thể nói, tiến độ đầu tư phát triển đô thị Đắk R'Lấp phụ thuộc rất lớn vào sự thành công của giải pháp này.

- Thông qua các đề án, quy hoạch lồng ghép, tích hợp trong Chiến lược phát triển chú ý đến công tác tuyên truyền, vận động người dân hình thành thói quen sinh hoạt, nếp sống văn minh đô thị.

- Tăng cường công tác quản lý theo quy hoạch, xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để thực hiện hàng năm.

- Trước mắt, đề xuất bố trí ngân sách và cho phép địa phương lựa chọn nhà tư vấn chuyên nghiệp đủ năng lực, tầm nhìn để xây dựng chiến lược phát triển Đắk R'Lấp nhằm thống nhất tích hợp quy hoạch phát triển theo Luật Quy hoạch với quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM, quyết tâm xây dựng huyện đạt chuẩn NTM. Triển khai thực hiện đề án xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2020-2025.

1.2. Chương trình phát triển đô thị Đắc R'Lấp

Bám sát chủ trương về chương trình phát triển đô thị của tỉnh Đắc Nông và Nghị quyết 1210/2016/NQ-UBTVQH13 về phân loại đô thị để tập trung triển khai đồng bộ giữa quy hoạch, xây dựng kế hoạch và tập trung đầu tư trong giai đoạn 2020-2025. Theo đó cần xác định và chú trọng một số nhiệm vụ sau:

- Về tính chất đô thị: Đô thị Đắc R'Lấp được xác định là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, khoa học kỹ thuật của tiểu vùng phía nam tỉnh Đắc Nông, là đầu mối giao lưu thương mại với các tỉnh phía nam, Đông nam bộ và nước bạn Campuchia qua Quốc lộ 14C. Đặc biệt là lợi thế phát triển công nghiệp theo hướng trở thành đô thị trung tâm công nghiệp Alumin - Nhôm, các ngành dịch vụ chất lượng cao.

- Về không gian và phân chia đơn vị hành chính: Định hướng Đắc R'Lấp trở thành thị xã gồm 11 đơn vị hành chính (6 phường, 5 xã). Do đó, cần phải quy hoạch bố trí không gian, diện tích phù hợp theo hướng mở, nhất là khu nội thị. Trong đó chú trọng vấn đề giao thông, quỹ đất ở, cây xanh đô thị, quỹ đất cho ngành công nghiệp, các công trình văn hóa – xã hội, một số công trình cảnh quan, điểm nhấn.....đặc biệt là quy hoạch quỹ đất và xúc tiến đầu tư tổ hợp công nghiệp Logistics loại 2, phục vụ cho ngành công nghiệp phụ trợ Alumin – nhôm.

- Về lộ trình đầu tư: Dựa trên 6 tiêu chí chuẩn của đô thị loại 4, từ đó xây dựng kế hoạch để huy động mọi nguồn lực đầu tư theo thứ tự ưu tiên. Đặc biệt là tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho nhu cầu phát triển đô thị trung tâm; gắn với phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, chế tạo sản phẩm Nhôm, phát triển các ngành dịch vụ, du lịch. Rà soát các chỉ tiêu cần đầu tư để hoàn thành trong giai đoạn cụ thể là: Hạ tầng giao thông nội thị kết nối với ngoại thị, bến bãi – phương tiện, nâng cấp, ngầm hóa từng bước hệ thống điện, viễn thông. Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý rác thải, hệ thống nước thải đô thị, hệ thống cây xanh, điện chiếu sáng, cấp nước, các khu nhà ở thương mại và các loại hình dịch vụ du lịch, văn hóa, cảnh quan đô thị. Dự kiến tổng mức đầu tư trong giai đoạn 2020-2025 khoảng 5.000 tỷ đồng (vốn Ngân sách Nhà nước khoảng 1.000 tỷ đồng, vốn huy động hợp pháp khác 4.000 tỷ đồng).

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để không ngừng nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và Nhân dân về chương trình phát triển đô thị của huyện, từ đó chung sức, chung lòng thực hiện xây dựng đô thị Đắc R'Lấp phát triển theo hướng hiện đại, văn minh và bền vững.

1.3. Huy động nguồn vốn đầu tư xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

Đề xuất điều chỉnh lại chính sách và đầu tư nhằm phát huy mật độ kinh tế xung quanh đô thị hạt nhân Kiến Đức và các đô thị thứ cấp có tiềm năng nhằm rút ngắn khoảng cách kinh tế, tối ưu hoá hiệu quả đầu tư công của Nhà nước và đầu tư kinh doanh của các thành phần kinh tế.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho nhu cầu phát triển đô thị trung tâm; gắn với phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, chế tạo sản phẩm Nhôm, phát triển các ngành dịch vụ, du lịch là nhiệm vụ xuyên suốt có tính trước mắt và lâu dài. Do đó cần chủ động, tập trung xây dựng lộ trình đầu tư theo thứ tự ưu tiên, có trọng tâm, trọng điểm. Đồng thời phải tính đến yếu tố bảo vệ môi trường và những vấn đề phát sinh liên quan khác.

Kiến tạo quỹ đất thương mại ngay trong quá trình xây dựng, quy hoạch phát triển đô thị. Tận dụng tối đa quỹ đất công chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả, vận dụng sáng tạo cơ chế, chính sách hợp tác công tư (PPP) để thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng. Phối hợp, thương thảo với các nhà đầu tư chiến lược, nhất là dự án Bô xít – Alumin để nâng cấp, xây dựng hệ thống giao thông vận chuyển, khai thác bô xít phù hợp.

Đề nghị Tỉnh, Trung ương ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư trung hạn ngân sách Trung ương; có cơ chế chính sách tài chính đặc thù đối với địa phương để ưu tiên thực hiện mục tiêu đột phá “Tạo chuỗi giá trị tổ hợp Alumin-Nhôm” thông qua phân phối lại nguồn đóng góp trực tiếp từ Dự án Alumin và Điện phân nhôm.

1.4. Xây dựng và phát triển nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp dựa trên lợi thế so sánh và nhu cầu thị trường. Ưu tiên thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao để thay đổi phương thức sản xuất truyền thống và ứng dụng thành quả cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để thay đổi phương thức quản lý nông nghiệp gắn kết với công nghiệp chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị với hạt nhân cơ bản Tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp đầu tàu, đầu chuỗi đối với một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực hoặc các sản phẩm mới có nhiều ưu thế cạnh tranh và phát triển nhanh.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi, khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, an toàn sinh học, giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường; tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh.

Để triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trên cần quan tâm thực hiện các giải pháp sau:

Nghiên cứu lựa chọn ngành, sản phẩm cụ thể và xây dựng lộ trình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao và Nông nghiệp 4.0 theo thứ tự ưu tiên dựa trên sức ép cạnh tranh về chi phí, yêu cầu chất lượng, vệ sinh an toàn sản phẩm, truy xuất nguồn gốc... để xây dựng chương trình và các chính sách hỗ trợ cụ thể trong quá trình thực hiện.

Bên cạnh việc thúc đẩy phát triển mới các loại hình kinh tế hợp tác, tập trung rà soát, hỗ trợ kiện toàn lại các Nhóm đồng sở thích và các HTX hiện có để tổ chức hoạt động với bản chất của mô hình HTX Nông nghiệp kiểu mới, theo phương châm “hành động tập thể” từ đầu khâu giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, quy trình canh tác, đến tiêu thụ; lấy kết quả hoạt động của các thành viên thay vì lợi nhuận HTX làm mục tiêu phát triển.

Thay đổi cách tiếp cận và trợ giúp thúc đẩy phát triển nông nghiệp - nông dân theo hướng thiết kế chương trình/đề án hỗ trợ nông nghiệp theo từng chuỗi giá trị sản phẩm cụ thể, để tập trung nguồn lực, đảm bảo sự đồng bộ và gắn với kết quả đầu ra; triển khai theo hình thức cuốn chiếu, ưu tiên cho các sản phẩm chủ lực, khối lượng hàng hóa lớn, có triển vọng thị trường. Tiếp tục thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), xây dựng trung tâm OCOP cấp huyện nhằm quảng bá thương hiệu và đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp;

Chủ động tích cực phối hợp trong việc kêu gọi, thu hút đầu tư, ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi đối với những doanh nghiệp đầu tư về kinh tế và KH-CN để chuyển giao nhanh ứng dụng tiến bộ KH-KT, phát triển công nghiệp chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, xây dựng thương hiệu, thúc đẩy nông dân, tổ hợp tác, trang trại và HTX tham gia vào chuỗi giá trị nhằm hình thành, phát triển các tiểu vùng, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chuẩn quy định của Chính phủ; phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp.

Xây dựng kế hoạch, quy hoạch và đề xuất chủ trương, kêu gọi đầu tư tận dụng quỹ đất hoàn thổ sau khai thác Bô xít vào mục đích phát triển nông nghiệp công nghệ cao, mở rộng không gian phát triển đô thị.

1.5. Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực thúc đẩy nhanh và bền vững

Chủ động xây dựng Kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm trong hệ thống chính trị đáp ứng với yêu cầu phát triển, quản lý đô thị; kiến nghị đưa vào Chương trình, Kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Xây dựng chiến lược nhu cầu thị trường lao động để làm định hướng nghề nghiệp cho người dân cũng như thu hút nguồn lao động bên ngoài là cơ sở tiền đề hình thành thị trường lao động tương lai có chiều sâu và độ kết nối cao; chủ động xã hội hóa công tác phát triển nguồn lao động, trước mắt để đáp ứng nhu cầu cho các dự án thu hút đầu tư chiến lược. Đây cũng là một trong những giải pháp tích cực góp phần cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh trên địa bàn nói riêng và cho tỉnh nói chung.

Tiếp tục thực hiện Kết luận 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư tiếp tục thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương 6 khóa XI về Phát triển khoa học – công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện

kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, từ đó các cấp ủy đảng chính quyền, đặc biệt là người đứng đầu cần xác định:

- Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp; xác định KH-CN là yếu tố cốt lõi trong việc xây dựng và thẩm định các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tăng cường các hoạt động tư vấn, phản biện xã hội theo quy định để nâng cao chất lượng thẩm định, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

- Động viên khích lệ và tạo mọi điều kiện thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong hệ thống giáo dục và doanh nghiệp, nghiên cứu thí điểm phổ biến kiến thức về tư duy và kỹ năng đổi mới sáng tạo vào chương trình ngoại khóa trong nhà trường.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; ưu tiên bố trí đủ nhân lực để tương xứng với tầm nhìn mục tiêu phát triển.

1.6. Phát triển kinh tế tư nhân, trọng tâm là hệ thống Doanh nghiệp

Xây dựng và phát triển hệ thống DN tăng nhanh về số lượng, chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh, quan trọng là xây dựng cơ cấu hệ thống ngành nghề tương thích với cơ cấu kinh tế của huyện lấy DN vừa, nhỏ làm nền tảng thu hút các doanh nghiệp lớn để thúc đẩy, tạo động lực tăng trưởng nhanh trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp. Kiến tạo môi trường đầu tư – kinh doanh thông thoáng, thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển lành mạnh theo định hướng.

Tập trung, khuyến khích, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, **đổi mới sáng tạo** theo Chương trình, kế hoạch phát triển của tỉnh.

Động lực tăng trưởng kinh tế địa phương từ khu vực kinh tế tư nhân vẫn chưa có chuyển biến thật sự tích cực. Vì vậy, cả hệ thống chính trị cần có sự quan tâm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để thành phần kinh tế tư nhân tự nguyện liên kết, hình thành các hình thức tổ chức hợp tác hoặc hoạt động theo mô hình doanh nghiệp.

1.7. Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM

Phát huy những thành quả sau gần 10 năm thực hiện chương trình, với những kết quả đạt được và những khó khăn đặt ra, giai đoạn 2020-2025 cần tập trung duy trì ổn định các tiêu chí đã đạt được, phấn đấu trở thành huyện điểm đi đầu trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM; sớm đạt tỉ lệ 50% xã chuẩn nâng cao, 20% xã NTM kiểu mẫu. Từ nhiệm vụ đặt ra, cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Thường xuyên rà soát để duy trì, phát triển chất lượng các tiêu chí, nhất là các chỉ tiêu liên quan đến nâng cao năng lực sinh kế cho người dân (tổ chức liên

kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm, phát triển kinh tế hợp tác...) để thật sự mang lại sự chuyển biến trong đời sống kinh tế nông thôn.

- Xác định huy động nguồn vốn đầu tư là nhiệm vụ trọng yếu để đẩy nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian thực hiện. Do vậy, tiếp tục phát huy bài học thành công trong thực tiễn; nghiên cứu cách thức xây dựng và phối hợp các Chương trình, Dự án lồng ghép trên địa bàn để nâng cao hiệu quả tác động đến mục tiêu NTM. Kiện toàn lại tổ chức bộ máy chuyên trách thực hiện NTM để thật sự đủ năng lực thực hiện mục tiêu.

1.8. Quản lý chặt chẽ đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường

Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường. Chú trọng rà soát, tập trung lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên địa bàn huyện. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm trong quản lý, sử dụng đất, xây dựng công trình, nhà ở, tài nguyên khoáng sản. Tập trung làm tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, giải quyết tái định cư.

Kiên quyết xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Nâng cao tỷ lệ cấp nước sạch sinh hoạt và tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải; bảo vệ chất lượng nguồn nước. Xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tập trung của huyện. Tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân trong việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp và xây dựng NTM.

1.9. Thu chi ngân sách, huy động các nguồn vốn đầu tư cho phát triển

Đẩy mạnh công tác thu ngân sách, xây dựng, nuôi dưỡng và khai thác tốt các nguồn thu, phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn huyện hàng năm tăng từ 10 - 12%. Tăng cường quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế. Thực hiện nghiêm Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách; tăng cường kiểm tra, giám sát các khoản chi ngân sách.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác huy động, xã hội hóa đầu tư xây dựng, sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách, tập trung đầu tư vào các dự án có tính chất cấp bách, cần thiết để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý tốt vốn các chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư phát triển. Đảm bảo điều hành ngân sách theo kế hoạch.

2. Lĩnh vực Văn hóa - xã hội

2.1. Thực hiện tiến bộ công bằng ngay trong từng bước và từng chính sách, kế hoạch phát triển

- Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, môi trường; phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân như là một nguyên tắc, “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt ngay trong từng bước của quá trình tư duy, thực hiện chính sách và xây dựng kế hoạch phát triển; lấy con người làm trung

tâm, phát huy tối đa nhân tố con người, phấn đấu “không ai bị bỏ lại phía sau”, chú ý đến các vấn đề bức xúc xã hội như bình đẳng giới, dân tộc thiểu số, trẻ em và các đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội.

- Tạo mọi điều kiện để người dân có cơ hội phát triển, được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả từ sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. Mục đích là từ những dự án trọng điểm và quá trình đô thị hóa phải tạo được cơ hội để người dân tiếp cận nhằm phát triển lên một bước mới về nhận thức, việc làm, thu nhập ổn định, nâng cao đời sống.

Thực hiện nhanh, có hiệu quả chủ trương xoá đói giảm nghèo, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; chăm lo thúc đẩy phát triển hệ thống an sinh xã hội, giáo dục, y tế, truyền thông; đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

2.2. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Đẩy mạnh phát triển giáo dục - đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp; tập trung đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị gắn với thực hiện chương trình giáo dục mầm non hiện hành, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; xây dựng và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia và công tác phổ cập giáo dục. Đẩy mạnh khuyến học, khuyến tài, nâng cao hiệu quả các trung tâm học tập cộng đồng gắn với xây dựng xã hội học tập. Khuyến khích mở các lớp dạy nghề, đào tạo lao động với nhiều hình thức và nhiều lĩnh vực, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 56% vào năm 2025. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*Xây dựng mỗi trường học phải thật sự là một trung tâm văn hóa, giáo dục, là nơi rèn luyện con người về tri thức, lý tưởng, phẩm chất đạo đức, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa - lịch sử dân tộc, địa phương cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến 2030*”

2.3. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân, chất lượng dân số, chăm lo phát triển văn hóa, con người.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trên lĩnh vực y tế, dân số, văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thông, gia đình; tăng cường nguồn lực của Nhà nước, kết hợp đẩy mạnh xã hội hoá để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, dân số, văn hóa - thể thao.

Chú trọng công tác y tế dự phòng và truyền thông, giáo dục sức khỏe, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Tăng cường các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người nghèo và các đối tượng chính sách (Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ vui chơi, giải trí, đặc biệt quan tâm đến người cao tuổi và trẻ em...). Tập trung các giải pháp giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi thể nhẹ cân, thấp còi, đặc biệt là ở các xã khó khăn.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33- NQ/TW của Ban Chấp hành TW Đảng (khóa XI) về *"Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước"*.

Chú trọng khôi phục, bảo tồn và phát huy những bản sắc văn hóa dân tộc gắn với xây dựng, quảng bá sản phẩm trong chương trình xây dựng mỗi xã một sản phẩm; xây dựng làng nghề truyền thống. Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nghệ nhân để bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" gắn với thực hiện xây dựng NTM, đô thị văn minh. Tiếp tục đầu tư nguồn lực để hoàn chỉnh thiết chế văn hóa - thể thao ở cấp huyện và cơ sở gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động.

2.4. Tập trung thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, chế độ chính sách cho người có công và bảo đảm an sinh xã hội.

Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt các chính sách xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội theo hướng đa dạng, ngày càng mở rộng đối tượng thụ hưởng. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về lao động, việc làm. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Xây dựng và triển khai đề án hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2020-2025. Thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững và các chính sách dân tộc.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động dễ dàng tiếp cận và tham gia các loại hình bảo hiểm, các dịch vụ xã hội cơ bản. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi và không ngừng nâng cao mức sống đối với người có công, đảm bảo cho các hộ chính sách đều có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của người dân trên cùng địa bàn nơi cư trú.

Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đảm bảo quyền bình đẳng và công bằng xã hội vì sự tiến bộ của phụ nữ.

3. Lĩnh vực quốc phòng – an ninh, nội chính

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *"về thực hiện Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia"*; Kế hoạch số 162-KH/TU, ngày 23/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận 64-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về *"đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới"*. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý điều hành của chính quyền đối với công tác quốc phòng – an ninh; phát huy vai trò tham mưu nòng cốt của lực lượng quân đội, công an trong việc đề ra các kế hoạch, phương án thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và bảo đảm an ninh, trật tự, gắn với phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tập trung nắm tình hình, phân tích, đánh giá dự báo tình hình,

xử lý kịp thời và ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng, bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Quán triệt, thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác phòng chống tội phạm và thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Duy trì, nâng cao hiệu quả phối, kết hợp giữa lực lượng công an, quân đội với các ban, ngành tại địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh gắn với tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới và ổn định an ninh chính trị, phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Đăk R'lấp khóa VII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBMTTQVN huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT, HSNQ.



Nguyễn Thị Vinh



CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết số: 14 /NQ/HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk R'Lấp)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đến năm 2025	Giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ				
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn(giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	5.320		
	<i>Trong đó:</i>				
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	2.394		
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	1.330		
	- Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	1.596		
	Tốc độ tăng trưởng bình quân	%	7,0	Tăng bình quân 7%/năm	
2	Tổng sản phẩm trên địa bàn (giá hiện hành)	Tỷ đồng	7.438		
	<i>Trong đó:</i>				
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	2.970		
	- Công nghiệp và xây dựng	%	2.010		
	- Thương mại - Dịch vụ	%	2.458		
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	73	Tăng 5%/năm	
4	Cơ cấu Tổng giá trị sản phẩm theo ngành kinh tế (giá hiện hành)		100		
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	40,0		
	- Công nghiệp và xây dựng	%	27,0		
	- Dịch vụ	%	33,0		
5	Thu - chi ngân sách				
	- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	1.087	Tăng từ 10 - 12%/năm	
	- Chi ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	689		
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	4.100		
7	Phát triển cơ sở hạ tầng				
	- Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường huyện	%/năm		10%/năm	
	- Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xã	%/năm		5 – 10%/năm	
	- Tỷ lệ đảm bảo nguồn nước cho diện tích cây trồng có nhu cầu tưới	%	90		
	- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100		
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện an toàn	%	100		
	- Tỷ lệ bon, buôn có điện	%	100		



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đến năm 2025	Giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
B	CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG				
1	Dân số				
	Dân số trung bình	Người	90.687		
2	Lao động và việc làm				
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	56		
	Tạo việc làm	người	3.100		
	Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	20,0		
3	Hộ nghèo				
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,5		
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS tại chỗ	%	1,5		
4	Y tế, BHXH				
	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	95		
	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	29,0		
	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	9,6		
	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100		
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%	18,7		
	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	>95		
5	Giáo dục				
	Tỷ lệ xã, thị trấn duy trì phổ cập giáo dục THCS, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập MN 5 tuổi	%	100		
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	>70		
6	Văn hóa				
	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	92		
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn văn hóa	%	100		
	Tỷ lệ thôn, bon, buôn văn hóa	%	92		
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	98		
8	Nông thôn mới				
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	10		
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã	5		
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	xã	2		
9	Môi trường				
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	41,85		